

Bản án số: 213/2022/DS-ST
Ngày: 04/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thảo

Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A; địa chỉ: E, Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Bà B; địa chỉ: I, Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông C; địa chỉ: I, Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và lời khai nguyên đơn bà A trình bày:

Ngày 19/12/2017, bà B có hợp đồng vay của bà A số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất là 15%/năm. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23/12/2017, bà B đã ký biên lai nhận tiền vay 400.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày nhận đủ tiền vay đến nay bà B đã trả được 28.000.000đ, kể từ tháng 7 năm 2019 đến nay không thanh toán nữa. Bà A đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà B thanh toán nhưng bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà A đã khởi kiện yêu cầu bà B trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng vay tiền ngày 23/12/2017, bao gồm nợ gốc là 400.000.000đ, nợ lãi (tính đến ngày khởi kiện) là 92.000.000đ; tổng cộng: 492.000.000đ, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà A trình bày: Bà B vay tiền của bà để kinh doanh nhưng không trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà B ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà với số tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi 247.000.000đ, tổng cộng 647.000.000đ; trả ngay sau khi bản án hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C vắng mặt không có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại Công văn số 33/UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình đã cung cấp thông tin: Bà B và ông C đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình ngày 22/4/2003 (Số 62, Quyển số 01/2003). Bà B bị khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó cần đưa ông C (chồng bà B) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.3] Về thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu cả vợ chồng bà B ông C có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

[2.1] Hợp đồng vay tiền:

Xét hợp đồng vay tiền ngày 19/12/2017 giữa bên cho vay bà A và bên vay bà B, các bên đã thỏa thuận số tiền vay là 400.000.000đ, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 15%/năm. Thỏa thuận của các bên tại hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật được Văn phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng (Số 036523, Quyền số 17 ngày 19/12/2017) nên có giá trị pháp lý.

[2.2] Việc giao nhận tiền vay:

Xét biên lai nhận tiền do bà B ký nhận ngày 23/12/2017, bà B xác định: “Tôi đã nhận đủ số tiền là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) theo hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng K ngày 19/12/2017, số công chứng 036523 Quyền số 17 TP/VPCC-SCC/HĐGD”. Như vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh kể từ ngày 23/12/2017.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng bà B, ông C phải trả nợ gốc và lãi.

[2.3.1] Như nhận định tại Mục [1.2], bà B và ông C là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3.2] Về nợ gốc: Từ những nhận định tại Mục [2.1]; [2.2], Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bị đơn và nguyên đơn đã xác lập hợp đồng vay tiền có thời hạn, lãi suất 15%/năm và các bên đã giao nhận số tiền vay là 400.000.000đ. Số tiền này là nợ gốc bên vay đã vay của bên cho vay.

[2.3.3] Về tiền lãi: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 15%/năm không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3.4] Từ ngày giao nhận tiền vay 23/12/2017 đến ngày xét xử 04/8/2022 là 04 năm 07 tháng (Làm tròn), số tiền lãi tương đương với 275.000.000đ. Theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn chỉ trả được số tiền lãi 28.000.000đ nên bên vay còn phải trả cho bên cho vay số tiền lãi 247.000.000đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 647.000.000đ.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà B ông C phải thanh toán cho bà A số tiền nợ gốc 400.000.000đ và tiền lãi 247.000.000đ; tổng cộng: 647.000.000đ.

Xét việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên vay đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bên vay thanh toán toàn bộ số nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà B ông C vắng mặt không lý do chính đáng, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, bà B ông C phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 280; 463; 465; 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

2. Buộc bà B và ông C phải trả cho bà A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 036523, Quyền số 17/TPVPCC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017, bao gồm:

- Nợ gốc là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), nợ lãi là 247.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng*); tổng cộng: 647.000.000đ (*Sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi án có hiệu lực.

3. Kể từ ngày 05/8/2022, bà B ông C còn phải chịu thêm tiền lãi chậm thanh toán phát sinh đối với số nợ gốc 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) theo thỏa thuận của Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 036523, Quyền số 17/TPVPCC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 29.880.000đ (*Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí 11.840.000đ (*Mười một triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0039590 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

8. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Phước Lý